

BÁO CÁO

Kết quả rà soát, đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật để tháo gỡ bất cập, khó khăn, vướng mắc do quy định pháp luật

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 206/2025/QH15 ngày 24/6/2025 của Quốc hội về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật, Kế hoạch số 04-KH/BCĐTW ngày 10/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật chỉ đạo rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc do quy định pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai tiếp tục tổ chức rà soát và báo cáo kết quả, đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật để tháo gỡ bất cập, khó khăn, vướng mắc do quy định pháp luật, cụ thể như sau:

1. Kết quả rà soát

Qua rà soát có **57** nội dung tại **28** văn bản quy phạm pháp luật phát sinh vướng mắc, bất cập trong quá trình áp dụng pháp luật tại địa phương (*Phụ lục kết quả rà soát, đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc do quy định pháp luật kèm theo*).

2. Kiến nghị

Trên cơ sở kết quả rà soát, đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật để tháo gỡ bất cập, khó khăn, vướng mắc do quy định pháp luật của tỉnh Gia Lai, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai đề xuất Bộ Tư pháp kịp thời tham mưu cấp có thẩm quyền chỉ đạo các bộ, ngành tham mưu xử lý hoặc xử lý theo thẩm quyền các bất cập, khó khăn, vướng mắc do quy định pháp luật để địa phương tổ chức thực hiện thống nhất./

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, C3.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Quế

Phụ lục

Rà soát khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /10/2025 của UBND tỉnh Gia Lai)

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
I. LĨNH VỰC Y TẾ			
1	Thông tư số 32/2024/TT-BYT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương	Sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp (không còn cấp huyện), các quy định hiện hành không còn phù hợp trong tổ chức và hoạt động của Trung tâm Y tế	Đề nghị Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp
2	Thông tư số 33/2015/TT-BYT ngày 27/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trạm Y tế xã, phường, thị trấn	Sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, quy định về tổ chức và hoạt	Đề nghị Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư quy định

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
		động của Trạm Y tế không còn phù hợp trong phân cấp quản lý.	chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Trạm Y tế xã, phường theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.
3	Thông tư số 03/2023/TT-BYT ngày 17/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn vị trí việc làm, định mức số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp y tế công lập.	Sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, quy định hiện hành về định mức số lượng người làm việc tại Trạm Y tế xã, phường không còn phù hợp với thực tế.	Đề nghị Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư quy định cụ thể cơ cấu, số lượng người làm việc tại Trạm Y tế xã, phường theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.
II. LĨNH VỰC DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO			
4	Điểm b, c khoản 1 Điều 43 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo quy định:	1. Khi tổ chức chính quyền địa phương 03	Quy định thẩm quyền cho cơ

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	“Điều 43. Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo 1. Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về danh mục hoạt động tôn giáo diễn ra hằng năm chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày được công nhận, chấp thuận hoặc được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo theo quy định sau đây: b) Tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện gửi thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp huyện; c) Tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh gửi thông báo đến cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh.” Khoản 1 Điều 44 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo quy định: “Điều 44. Hội nghị của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc 1. Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc tổ chức hội nghị thường niên có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 45 của Luật này chậm nhất là 20 ngày trước ngày tổ chức hội nghị.”	cấp thì UBND cấp huyện; cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh có thẩm quyền thực hiện các thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh (có địa bàn hoạt động ở nhiều xã trên địa bàn tỉnh). Tuy nhiên, khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp thì thẩm quyền của UBND tỉnh. 2. Tại các mẫu văn bản (Mẫu B33, Mẫu B34, Mẫu B35, Mẫu B42) thể hiện cơ quan tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính là cơ quan chuyên môn về dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh. Tuy nhiên, thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính	quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh có thẩm quyền thực hiện các thủ tục hành chính về tôn giáo (có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã trên địa bàn tỉnh).

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	Khoản 3 Điều 45 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo quy định: <i>“Điều 45. Đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo</i> <i>3. Thẩm quyền chấp thuận tổ chức đại hội:</i> <i>a) Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm trả lời bằng văn bản đối với việc tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do;</i> <i>b) Cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời bằng văn bản đối với việc tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do;”</i> Điều a, b khoản 3 Điều 46 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo quy định: <i>“Điều 46. Cuộc lễ, giảng đạo ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp</i>	được công bố theo Quyết định số 364/QĐ-BD TTG lại quy định là UBND tỉnh. Quy định như trên là mâu thuẫn, thiếu thống nhất.	

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	<i>3. Thẩm quyền chấp thuận tổ chức cuộc lễ, giảng đạo ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp:</i> <i>a) Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc tổ chức cuộc lễ, giảng đạo có quy mô tổ chức ở một huyện trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hợp lệ; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do;</i> <i>b) Cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh nơi dự kiến tổ chức cuộc lễ, giảng đạo có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc tổ chức cuộc lễ, giảng đạo có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hợp lệ; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.”</i> Điểm b khoản 1 Điều 16 Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp; phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo quy định: <i>“Điều 16. Tiếp nhận thông báo danh mục hoạt động tôn giáo</i> <i>1. Việc tiếp nhận thông báo danh mục hoạt động tôn</i>		

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	<i>giáo quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo được phân định thẩm quyền thực hiện như sau:</i> <i>b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận danh mục hoạt động tôn giáo của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã trên địa bàn tỉnh;”</i> Điểm b khoản 1 Điều 17 Nghị định số 124/2025/NĐ-CP quy định: “Điều 17. Tiếp nhận thông báo tổ chức hội nghị của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc <i>1. Việc tiếp nhận thông báo tổ chức hội nghị của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc quy định tại điểm khoản 1 Điều 44 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo được phân định thẩm quyền thực hiện như sau:</i> <i>b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều xã trên địa bàn tỉnh;”</i> Điểm b khoản 1 Điều 18 Nghị định số 124/2025/NĐ-CP quy định:		

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	<i>“Điều 18. Chấp thuận tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo</i> <i>1. Việc chấp thuận tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo quy định tại khoản 3 Điều 45 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo được phân định thẩm quyền thực hiện như sau:</i> <i>b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời bằng văn bản đối với việc tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều xã trên địa bàn tỉnh;”</i> Điểm b khoản 1 Điều 19 Nghị định số 124/2025/NĐ-CP quy định: <i>“Điều 19. Chấp thuận tổ chức cuộc lễ, giảng đạo ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp</i> <i>1. Việc chấp thuận tổ chức cuộc lễ, giảng đạo ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp quy định tại khoản 3 Điều 46 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo được phân định thẩm quyền thực hiện như sau:</i> <i>b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi dự kiến tổ chức cuộc</i>		

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	<i>lễ, giảng đạo có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc tổ chức cuộc lễ, giảng đạo có quy mô tổ chức ở nhiều xã trên địa bàn tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh.”</i> Khoản 7 Điều 25 Nghị định số 124/2025/NĐ-CP quy định: <i>“Điều 25. Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo; đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo; đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc; đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc; chấp thuận thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo; văn bản thông báo người được phong phẩm hoặc suy cử làm chức sắc; đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo.</i> <i>7. Đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo quy định tại Mục VI Phụ lục II kèm theo Nghị định này.”</i> Khoản 9, 10, 11, 13 Mục VI Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 124/2025/NĐ-CP quy định: <i>“VI. Đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo quy định tại Nghị định số 95/2023/NĐ-CP như sau:</i> <i>9. Sửa đổi nội dung (2) tại Mẫu B33 như sau:</i>		

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	<i>“(2) ...; cơ quan chuyên môn về dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh đối với việc tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều xã trên địa bàn tỉnh;”.</i> <i>10. Sửa đổi nội dung (2) tại Mẫu B34 như sau:</i> <i>“(2) Cơ quan chuyên môn về dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh nơi dự kiến tổ chức cuộc lễ đối với cuộc lễ có quy mô tổ chức ở nhiều xã thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh; ...”.</i> <i>11. Sửa đổi nội dung (2) tại Mẫu B35 như sau:</i> <i>“(2) Cơ quan chuyên môn về dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh nơi dự kiến tổ chức giảng đạo đối với việc tổ chức giảng đạo có quy mô tổ chức ở nhiều xã thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh; ...”.</i> <i>13. Sửa đổi nội dung (2) tại Mẫu B42 như sau:</i> <i>“(2) Cơ quan chuyên môn về dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh.”.</i> Cơ quan thực hiện tại các số thứ tự 2, 11, 12, 13 Mục II khoản 2 Phần I Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 364/QĐ-BD TTG ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo công		

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	bổ thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Dân tộc và Tôn giáo là Ủy ban nhân dân tỉnh, gồm các thủ tục hành chính, gồm các thủ tục hành chính: “- STT “2”; số hồ sơ TTHC “1.012605”; tên thủ tục hành chính “<i>Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều xã thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh</i>”; cơ quan thực hiện “<i>Ủy ban nhân dân tỉnh</i>”. - STT “12”; số hồ sơ TTHC “1.012606”; tên thủ tục hành chính “<i>Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều xã thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh</i>”; cơ quan thực hiện “<i>Ủy ban nhân dân tỉnh</i>”. - STT “11”; số hồ sơ TTHC “1.012607”; tên thủ tục hành chính “<i>Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp giấy chứng nhận hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều xã thuộc một tỉnh</i>”; cơ quan thực hiện “<i>Ủy ban nhân dân tỉnh</i>”. - STT “13”; số hồ sơ TTHC “1.012605”; tên thủ tục		

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	hành chính “ <i>Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều xã thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh</i> ”; cơ quan thực hiện “ <i>Ủy ban nhân dân tỉnh</i> ”.		
III. LĨNH VỰC NỘI VỤ			
5	Điểm c khoản 6 Điều 40 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định: “Điều 40. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo <i>Sở Giáo dục và Đào tạo là cơ quan chuyên môn về lĩnh vực giáo dục tham mưu, giúp việc cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục tại địa phương, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công tác quản lý nhà nước về giáo dục và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra các hoạt động giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau:</i>	Theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Chủ tịch UBND xã, phường có thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, cách chức người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp mình. Như vậy, việc Sở Giáo dục và Đào tạo thực	Đề nghị sửa đổi Nghị định số 142/2025/NĐ-CP để đảm bảo phù hợp, thống nhất với quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	6. Về tổ chức hoạt động và quản lý cơ sở giáo dục c) Quyết định thành lập hội đồng trường, công nhận, bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch hội đồng trường, bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng trường và quyết định công nhận, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian công tác đến tuổi nghỉ hưu, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, biệt phái, thay đổi vị trí việc làm, khen thưởng, kỷ luật đối với người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh; công nhận, không công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường, phó chủ tịch hội đồng trường, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng các cơ sở giáo dục tư thục thuộc thẩm quyền quản lý theo tiêu chuẩn chức danh và thủ tục do pháp luật quy định;” Khoản 9, 10 Điều 23, Điều 26 Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định: “Điều 23. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã 9. Chỉ đạo và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các loại quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên địa bàn; quản lý các chợ, trung tâm thương mại, điểm du lịch, cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục tiểu học, cơ sở giáo dục trung học cơ sở, cơ sở y tế, cơ	hiện các thẩm quyền công nhận, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm... đối với người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu các trường trung học cơ sở, tiểu học, mầm non công lập thuộc UBND xã, phường quản lý là chưa phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.	

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	<i>sở phúc lợi xã hội thuộc thẩm quyền; duy trì truyền thống văn hóa ở địa phương, quản lý các cơ sở văn hóa, thể thao và giải trí trên địa bàn theo quy định của pháp luật.</i> <i>10. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức, viên chức trên địa bàn theo quy định của pháp luật và phân cấp của cơ quan nhà nước cấp trên; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, cách chức người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp mình; quyết định tạm đình chỉ công tác đối với Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp mình, người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp mình.</i> “Điều 26. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường <i>Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 15, 16 và 17 Điều 23 của Luật này và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:”</i>		

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
6	Điểm a khoản 5 Điều 4 Thông tư số 15/2025/TT-BGDĐT ngày 24/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Văn hóa - Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo quy định chức năng, nhiệm vụ của Sở Giáo dục và Đào tạo quy định: “Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn <i>5. Về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, viên chức, người lao động và đào tạo, bồi dưỡng</i> <i>a) Chủ trì thực hiện theo quy định của Luật Nhà giáo, quy định của pháp luật có liên quan và phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với việc tuyển dụng, tiếp nhận, điều động, biệt phái, chuyển đổi đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, viên chức, người lao động trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh;”</i> Khoản 10 Điều 23, Điều 26 Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định: “Điều 23. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban	Quy định nêu trên là mâu thuẫn, chồng chéo thẩm quyền của Sở Giáo dục và Đào tạo và Chủ tịch UBND xã, phường	Đề nghị sửa đổi Nghị định số 142/2025/NĐ-CP để phù hợp, thống nhất với quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	nhân dân xã 10. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức, viên chức trên địa bàn theo quy định của pháp luật và phân cấp của cơ quan nhà nước cấp trên; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, cách chức người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp mình; quyết định tạm đình chỉ công tác đối với Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp mình, người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp mình.” “Điều 26. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 15, 16 và 17 Điều 23 của Luật này và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:”		
IV.	LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO		
7	Điều 4 Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày	Quy định về chế độ hỗ trợ kinh phí đào tạo	Điều chỉnh tăng mức hỗ trợ học

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Điều 7 Thông tư số <u>152/2016/TT-BTC</u> ngày 17/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 40/2019/TT-BTC, Thông tư số 43/2023/TT-BTC.	cho cơ sở đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng được quy định tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg và các thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính không đủ bù đắp khi chi phí đào tạo (nguyên vật liệu, thiết bị, tiền công giảng viên...) tăng dẫn đến khó khăn cho các cơ sở đào tạo nghề.	nghề cho đối tượng là lao động nông thôn.
8	Điều 14, khoản 2 Điều 16 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm quy định: “Điều 14. Đối tượng hỗ trợ đào tạo nghề <i>Thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội được hỗ trợ đào tạo nghề khi đáp ứng các điều kiện</i>	Quy định thời hạn sử dụng Thẻ đào tạo nghề 12 tháng như hiện nay gây khó khăn cho các đối tượng được hỗ trợ. Cụ thể, các đối tượng được hỗ trợ chưa lựa chọn nghề phù hợp và có nhiều trường hợp	Tăng thời gian sử dụng Thẻ đào tạo nghề từ 01 năm lên 02 năm (24 tháng).

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	<i>quy định tại Điều 15 Nghị định này.”</i> “Điều 16. Nội dung và mức hỗ trợ đào tạo nghề <i>2. Các đối tượng theo quy định tại Điều 14 Nghị định này tham gia đào tạo nghề trình độ sơ cấp được cấp thẻ đào tạo nghề có giá trị tối đa bằng 12 tháng tiền lương cơ sở tại thời điểm đào tạo nghề và có giá trị sử dụng trong 01 năm kể từ ngày cấp.”</i>	không kịp thời đăng ký và sử dụng Thẻ học nghề trong thời hạn dẫn đến lãng phí chính sách.	
9	Khoản 1 Điều 33 Luật <u>Giáo dục nghề nghiệp</u> quy định: “Điều 33. Thời gian đào tạo <i>1. Thời gian đào tạo trình độ sơ cấp được thực hiện từ 03 tháng đến dưới 01 năm học nhưng phải bảo đảm thời gian thực học tối thiểu là 300 giờ học đối với người có trình độ học vấn phù hợp với nghề cần học.”</i> Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 14/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về đào tạo lái xe; bồi dưỡng, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ quy định: “Điều 6. Đào tạo lái xe các hạng B, C1 <i>1. Khối lượng chương trình và phân bổ thời gian đào tạo tối thiểu:</i>	Chương trình đào tạo lái xe các hạng (B1, B2, C1) có thời lượng dưới 300 giờ. Theo quy định hiện hành về phân loại trình độ đào tạo nghề, khóa học dưới 300 giờ chỉ được xếp vào đào tạo thường xuyên, không đủ tiêu chuẩn xếp loại trình độ sơ cấp. Do đó các đối tượng là thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên	Xem xét điều chỉnh đối tượng thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an; thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội được tham gia học nghề trình độ sơ cấp và đào

STT	Quy định pháp luật hiện hành						Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Hạng giấy phép lái xe			tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội không thể sử dụng Thẻ học nghề sơ cấp để đăng ký học, trong khi nhu cầu thực tế là cần thiết.	tạo thường xuyên.
				Hạng B		Hạng C1		
				Học xe chuyển số tự động (bao gồm cả xe ô tô điện)	Học xe chuyển số cơ khí (số sàn)			
	III	Tổng thời gian đào tạo	Giờ	203	235	245		
10	Điều 5 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực giáo dục quy định: “Điều 5. Quản lý văn bằng, chứng chỉ						Hiện nay, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa ban hành mẫu bằng tốt nghiệp trung học cơ sở để thống nhất thực hiện.	Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định mẫu thống nhất, để:

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	<i>1. Thẩm quyền quản lý việc sử dụng phôi văn bằng, chứng chỉ và chịu trách nhiệm về việc cấp văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 3 Quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm, bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân ban hành kèm theo Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi là Thông tư số <u>21/2019/TT-BGDĐT</u>) do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.</i> <i>3. Đối với văn bằng, chứng chỉ do Phòng Giáo dục và Đào tạo cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, thì việc cấp lại; cấp bản sao từ sổ gốc; chỉnh sửa nội dung ghi trên văn bằng, chứng chỉ; thu hồi, hủy bỏ văn bằng, chứng chỉ do Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện.”</i>		1. Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện cấp bản sao bằng tốt nghiệp trung học cơ sở (bằng bằng tốt nghiệp đã cấp trước ngày 01/7/2025). 2. UBND xã, phường cấp bằng tốt nghiệp trung học cơ sở đảm bảo kịp thời, thống nhất.
11	Điều 14 Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục phổ thông quy định:	Việc quy định thẩm quyền: (1) thành lập Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở; (2) xét công nhận tốt nghiệp trung	Đề nghị sửa đổi đảm bảo tính thống nhất.

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	<i>“Điều 14. Tổ chức thực hiện quy định về quy chế xét công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở</i> <i>1. Thẩm quyền xét công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở quy định tại Điều 12 Quy chế xét công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở ban hành kèm theo Thông tư số 31/2023/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi là Thông tư số 31/2023/TT-BGDĐT) do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.</i> <i>2. Thẩm quyền thành lập Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở, quyết định công nhận tốt nghiệp, công bố danh sách học sinh được công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở, tổ chức cấp phát bằng tốt nghiệp cho học sinh được công nhận tốt nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 7, Điều 8, khoản 2, khoản 7 Điều 14 Thông tư số 31/2023/TT-BGDĐT do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.”</i> Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 31/2023/TT-BGDĐT được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a khoản 10 Điều 18 Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT quy định: <i>“1. Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp (sau đây gọi tắt là Hội đồng) do hiệu trưởng ra quyết định thành lập. Mỗi cơ sở giáo dục có học sinh học hết lớp 9 trong</i>	học cơ sở; (3) quyết định công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở... quy định tại Điều 14 và điểm a, c khoản 10 Điều 18 Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT chưa có sự thống nhất	

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	<i>năm xét công nhận tốt nghiệp thành lập 01 (một) Hội đồng.</i>”. Khoản 5 Điều 8 Thông tư số <u>31/2023/TT-BGDĐT</u> được sửa đổi, bổ sung bởi điểm c khoản 10 Điều 18 Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT quy định: “Điều 8. Quy trình xét công nhận tốt nghiệp 5. Hiệu trưởng ra Quyết định công nhận tốt nghiệp cho học sinh theo đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp.”.		
12	Điều 25 Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ quy định: “Điều 25. Thẩm quyền kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ <i>1. Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra và ra quyết định công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ đối với xã.</i> <i>2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra và ra quyết định công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ đối với huyện.</i> <i>3. Bộ Giáo dục và Đào tạo kiểm tra và ra quyết định</i>	Điều 6 Nghị định số 20/2014/NĐ-CP quy định về tiêu chuẩn công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi. Tuy nhiên, khi phân định thẩm quyền công nhận tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ tại khoản 1, khoản 2 Điều 4 Nghị định số 143/2025/NĐ-	Đề nghị sửa đổi, bổ sung Nghị định số 143/2025/NĐ-CP, Nghị định số 20/2014/NĐ-CP để đảm bảo thống nhất, đầy đủ. Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo sớm có văn bản hướng

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	<i>công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ đối với tỉnh.”</i> Khoản 1, 2 Điều 4 Nghị định số 143/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định: “Điều 4. Phân quyền công nhận tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ 1. Thẩm quyền công nhận tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục mức độ 1 và mức độ 2, xóa mù chữ mức độ 1 đối với tỉnh quy định tại Điều 25 Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện. 2. Thẩm quyền công nhận tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục mức độ 3, xóa mù chữ mức độ 2 đối với tỉnh quy định tại Điều 25 Nghị định số 20/2014/NĐ-CP do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện.”	CP không quy định đối với giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi. Ngoài ra, quy định về tiêu chuẩn công nhận phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 1, mức độ 2 đối với xã và đối với huyện không còn phù hợp với chính quyền địa phương 2 cấp nên gặp khó khăn trong việc triển khai thực hiện trong năm 2025.	dẫn thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2025.
13	Điều 8 Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập quy định:	Việc quy định về trách nhiệm, quyền hạn của Hội đồng trường trong thời điểm hiện nay	Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu tham mưu

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	<i>“Điều 8. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng trường</i> <i>1. Phê duyệt kế hoạch tuyển sinh, kế hoạch giáo dục của nhà trường, kế hoạch quản lý tài chính, tài sản, tổ chức bộ máy và nhân sự của cơ sở giáo dục theo quy định của pháp luật.</i> <i>2. Giám sát việc tổ chức thực hiện kế hoạch tuyển sinh, các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục theo kế hoạch giáo dục của nhà trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục.</i> <i>3. Giám sát việc quản lý, sử dụng các nguồn lực xã hội hóa dành cho cơ sở giáo dục, bảo đảm mục tiêu giáo dục, công khai, minh bạch và hiệu quả.</i> <i>4. Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.”</i>	không còn phù hợp với chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.	Chính phủ điều chỉnh cho phù hợp.
V.	LĨNH VỰC XÂY DỰNG		
14	Khoản 1 Điều 3, Điều 4 Thông tư số 10/2025/TT-BXD ngày 14/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng	Trước ngày 1/7/2025, Sở Xây dựng là cơ	1. Đề nghị Bộ Xây dựng có

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về lĩnh vực xây dựng quy định: “Điều 3. Vị trí và chức năng <i>1. Sở Xây dựng thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về xây dựng gồm: Quy hoạch xây dựng và kiến trúc; hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật đô thị và nông thôn (bao gồm: cấp nước sạch (trừ nước sạch nông thôn); thoát nước và xử lý nước thải (trừ xử lý nước thải tại chỗ; thoát nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, sản xuất muối); ...”</i>	quan quản lý, theo dõi lĩnh vực cấp nước sạch tại các thành phố (thuộc tỉnh), thị xã, thị trấn. Sau sắp xếp, các khu vực đô thị loại V trước đây, nay thuộc địa bàn các xã. Do đó, gây khó khăn trong công tác quản lý, hiện nay chưa có văn bản nào hướng dẫn cụ thể vấn đề này (Sở Xây dựng có được tiếp tục quản lý đối với các địa bàn thuộc khu vực đô thị loại V trước đây, nay thuộc địa bàn các xã hay không?)	hướng dẫn cụ thể về thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cấp nước sạch trên địa bàn đô thị khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp. 2. Đề xuất quy định chức năng, nhiệm vụ: Sở Xây dựng thực hiện công tác quản lý nhà nước cấp nước sạch đối với khu vực các phường, Sở Nông nghiệp và Môi trường quản lý nhà nước đối với cấp nước sạch các khu vực còn

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
			lại.
15	Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch quy định: “Điều 5. Đối tượng và hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch 1. Đối tượng được giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung gồm: a) Đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng cấp nước sạch. b) Ủy ban nhân dân cấp xã. 2. Đối tượng được giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị gồm: a) Đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng cấp nước sạch.” “Điều 17. Hình thức xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch Việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đã giao cho cơ quan, đơn vị quy định tại điểm a, điểm b khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định này thực	Hiện tại trên địa bàn tỉnh có một số trường hợp liên quan đến việc chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng nước sạch đã giao cho doanh nghiệp có vốn nhà nước quản lý. Do quản lý khai thác không hiệu quả, doanh nghiệp báo cáo kinh doanh khó khăn, không có lãi nên có tờ trình UBND tỉnh xem xét giao tài sản cho UBND xã, phường để quản lý. Căn cứ quy định tại Điều 19 Nghị định số 43/2022/NĐ-CP không có quy định việc điều chuyển tài sản tài sản kết cấu hạ tầng cấp	Đề nghị Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính có hướng dẫn cụ thể trong trường hợp xử lý (điều chuyển) các tài sản kết cấu hạ tầng nước sạch đã giao cho doanh nghiệp có vốn nhà nước, công ty cổ phần có vốn nhà nước.

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	<i>hiện theo các hình thức sau:</i> <i>1. Thu hồi.</i> <i>2. Điều chuyển.</i> <i>3. Thanh lý.</i> <i>4. Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.</i> <i>5. Hình thức xử lý khác theo quy định của pháp luật.”</i> “Điều 19. Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch <i>1. Việc điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch chỉ thực hiện giữa các cơ quan, đơn vị quy định tại điểm a, điểm b khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định này.”</i>	nước sạch giữa doanh nghiệp có vốn nhà nước, công ty cổ phần có vốn nhà nước và đối tượng quy định điểm a, điểm b khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định 43/2022/NĐ-CP. Tuy nhiên, tại Điều 75, Điều 87, Điều 89 Luật Quản lý sử dụng tài sản công (được sửa đổi, bổ sung năm 2024) quy định việc điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng được thực hiện giữa các đối tượng được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng quy định tại Điều 75 (doanh nghiệp). Do đó, việc hạn chế đối	

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
		tượng được điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 43/2022/NĐ-CP là không phù hợp.	
16	Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành <u>Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ</u> quy định: “Điều 6. Thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan chuyên môn về xây dựng <i>1. Công trình thuộc đối tượng phải thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở tại cơ quan chuyên môn về xây dựng và thuộc Phụ lục III kèm theo Nghị định này phải được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy ... theo quy định của pháp luật về xây dựng.”</i> “Điều 9. Thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa	Cơ quan Công an (thẩm định thiết kế về PCCC hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở) và cơ quan chuyên môn về xây dựng (thẩm định thiết kế về PCCC của hồ sơ thiết kế cơ sở và hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở). Như vậy, đối với hồ sơ thiết kế cơ sở đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định	Kiến nghị Chính phủ, Bộ Công an, Bộ Xây dựng hướng dẫn quy định xử lý chuyển tiếp đối với các hồ sơ thuộc diện này để địa phương tổ chức thực hiện.

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	cháy của cơ quan Công an <i>1. Công trình, phương tiện giao thông quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị định này phải thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Công an, trừ công trình tạm theo quy định của pháp luật về xây dựng, công trình thuộc dự án thực hiện thủ tục đầu tư đặc biệt theo quy định của pháp luật về đầu tư, công trình thuộc các cơ sở quốc phòng hoạt động phục vụ mục đích quân sự, lưỡng dụng và phương tiện giao thông được các cơ sở quốc phòng chế tạo hoặc hoán cải chuyên dùng cho hoạt động quân sự.”</i>	Báo cáo nghiên cứu khả thi (có nội dung về giải pháp thiết kế PCCC) thì có phải nộp thẩm định bổ sung thiết kế về PCCC hay không? Trường hợp phải thẩm định thì thực hiện theo thủ tục hành chính nào?	
17	Điểm a khoản 1 Điều 17 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ quy định: “Điều 17. Thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy <i>1. Việc thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đối với dự án đầu tư xây dựng công trình, công trình và phương tiện giao thông, trừ công trình tạm theo quy định của pháp luật về xây dựng được quy định như sau:</i> <i>a) Người quyết định đầu tư tổ chức thẩm định các nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1 Điều</i>	Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, các văn bản hướng dẫn Luật chưa có nội dung quy định về thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với dự án chỉ yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng và dự án	Kiến nghị Chính phủ, Bộ Công an, Bộ Xây dựng xem xét bổ sung quy định về thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với dự án

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	<i>16 của Luật này đối với báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, tổ chức thẩm định các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 16 của Luật này đối với báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng không thuộc diện thẩm định dự án của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng nhưng thuộc diện thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy”;</i> Điểm a khoản 5 Điều 18 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ quy định: “Điều 18. Nghiệm thu, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy <i>5. Việc kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy được quy định như sau:</i> <i>a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy trước khi đưa công trình, phần công trình, hạng mục công trình vào sử dụng đối với công trình, phần công trình, hạng mục công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy trước đó theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 của Luật này và thuộc đối tượng phải kiểm tra công tác nghiệm thu chất lượng công trình xây dựng theo</i>	không thuộc diện thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng để cơ quan kiểm tra hồ sơ quản lý chất lượng về PCCC của công trình, kịp thời chấn chỉnh các chủ đầu tư thực hiện nghiêm các quy định về PCCC nhằm hạn chế sự cố cháy, nổ có thể xảy ra.	chỉ yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng và dự án không thuộc diện thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng để triển khai thực hiện thống nhất.

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	<i>quy định của pháp luật về xây dựng;”</i>		
VI.	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG		
18	Điểm c khoản 2 Điều 20 Luật Thủy lợi quy định: “Điều 20. Nội dung quản lý, khai thác công trình thủy lợi 2. Quản lý công trình bao gồm nội dung chính sau đây: c) Trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án ứng phó thiên tai và phương án bảo vệ công trình thủy lợi;”	Điểm c khoản 2 Điều 20 Luật Thủy lợi không quy định rõ: Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt là cơ quan, đơn vị, địa phương nào (chủ sở hữu đập, hồ chứa nước hay chủ thể khai thác đập, hồ chứa nước hay UBND cấp xã, cấp tỉnh nơi có công trình đập, hồ chứa) dẫn đến khó khăn trong việc tổ chức thực hiện.	Đề nghị hướng dẫn, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt là cơ quan, đơn vị, địa phương nào?
19	Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước quy định: “Điều 11. Quy trình vận hành hồ chứa nước	Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông do Thủ tướng Chính phủ ban hành đối với các lưu vực	Đề nghị quy định cấp thẩm quyền phê duyệt quy trình vận hành liên hồ

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	<i>1. Quy trình vận hành hồ chứa nước phải tuân thủ quy định của <u>Luật Thủy lợi</u> <u>Luật Tài nguyên nước</u>, pháp luật có liên quan và phù hợp với quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.”</i>	sông liên tỉnh, hiện nay sau khi sáp nhập tỉnh, một số lưu vực sông liên tỉnh đã thành nội tỉnh (như lưu vực Sông Kôn - Hà Thanh là lưu vực sông nội tỉnh).	chứa đối với sông nội tỉnh mà trước kia đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy trình vận hành liên hồ chứa (như Quyết định số 936/QĐ-TTg ngày 30/7/2018 ban hành Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Kôn - Hà Thanh; Quyết định số 878/QĐ-TTg ngày 18/7/2018 ban hành Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Ba).

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
20	Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước quy định: “Điều 3. Giải thích từ ngữ <i>Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</i> <i>1. Thủy lợi nhỏ là công trình thủy lợi có nhiệm vụ tích trữ nước, cấp nước, tưới, tiêu, thoát nước có quy mô nhỏ hơn: 20 ha đối với vùng miền núi cả nước; 50 ha đối với vùng Trung du, Tây Nguyên; 100 ha đối với vùng đồng bằng; 300 ha đối với vùng đồng bằng sông Cửu Long.”</i> “Điều 11. Trách nhiệm của địa phương <i>c) Ban hành thiết kế mẫu, thiết kế điển hình công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng, tưới tiên tiến, tiết kiệm nước phù hợp với đặc thù từng vùng, miền trong tỉnh;”</i>	Đối với ban hành thiết kế mẫu đối với công trình thủy lợi nhỏ (hồ, đập, trạm bơm) thì tùy theo tình hình địa hình, địa chất, điều kiện khí hậu thủy văn để tính toán quy mô công trình phù hợp, đảm bảo quy định tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn ngành. Đối với thiết kế mẫu để tưới tiên tiến, tiết kiệm nước thì tùy theo điều kiện địa hình, nguồn nước, công nghệ ứng dụng, loại cây trồng để xây dựng thiết kế tưới, cấp nước phù hợp Vì vậy việc thiết kế mẫu rất khó khăn và khó thực hiện.	Đề nghị các Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường sớm ban hành các quy định về trình tự, thủ tục hỗ trợ về tài chính để thực hiện chính sách hỗ trợ, quy định về phân bổ nguồn vốn đầu tư từ ngân sách trung ương hỗ trợ cho các địa phương và bố trí các nguồn vốn khác để thực hiện các chính sách về phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng tưới tiên

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
			tiến tiết kiệm nước tại Điều 10 Nghị định số 77/2018/NĐ-CP để địa phương có cơ sở triển khai thực hiện. Đề xuất bổ sung Điều 2 về đối tượng áp dụng Nghị định 77/2018/NĐ-CP cụ thể: Tổ chức, cá nhân khác có nhu cầu đầu tư xây dựng, quản lý khai thác công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (không là thành viên tổ chức

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
			<i>thủy lợi cơ sở</i>). Nguyên nhân: Các cá nhân có nhu cầu và khả năng đầu tư xây dựng các công trình tích trữ nước, tạo nguồn nước thì không phải là thành viên của tổ chức thủy lợi cơ sở.
21	Điều 27 Nghị định số 08/2025/NĐ-CP ngày 9/01/2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi quy định: “Điều 27. Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi <i>1. Quản lý, khai thác Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi</i> <i>a) Cơ sở dữ liệu tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi là thành phần của Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công, được xây dựng và quản lý thống nhất trên phạm vi cả</i>	Việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công như kế toán tài sản, tính hao mòn tài sản, đăng nhập chuẩn hoá dữ liệu tài sản, ... và các quy định pháp luật khác trong quản lý tài sản công theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản công	Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính sớm có hướng dẫn cụ thể về xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ đăng nhập, chuẩn hóa dữ liệu tài sản kết cấu hạ tầng

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	<i>nước.</i> <i>b) Thông tin trong Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi có giá trị pháp lý như hồ sơ dạng giấy.</i> <i>c) Thông tin trong Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được sử dụng làm cơ sở cho việc lập dự toán, xét duyệt quyết toán, kiểm tra, kiểm toán, thanh tra việc đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, điều chuyển, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản, thanh lý công trình và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.</i> <i>d) Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi là tài sản công, phải được bảo đảm an ninh, an toàn chặt chẽ; nghiêm cấm mọi hành vi truy cập trái phép, phá hoại, làm sai lệch thông tin trong Cơ sở dữ liệu...”</i>	còn gặp nhiều khó khăn trong triển khai thực hiện.	thủy lợi theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 08/2025/NĐ-CP.
22	Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ, công ích thủy lợi quy định: “Điều 15. Lập dự toán và giao dự toán kinh phí hỗ	Thực tế qua triển khai việc lập phương án giá trong thời gian qua, các địa phương, đơn vị còn lúng túng trong việc	Đề nghị Bộ Tài chính trình Chính phủ điều chỉnh thẩm quyền định giá

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	<i>trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi</i> <i>2. Cơ sở lập dự toán: căn cứ vào khối lượng công việc, diện tích (ha), khối lượng (m³), định mức kinh tế kỹ thuật, giá, mức hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của cơ quan có thẩm quyền.</i> <i>Xác định khối lượng công việc, diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi:</i> ... <i>Trường hợp hộ dùng nước được xác định là Ủy ban nhân dân cấp xã, hợp tác xã, tổ chức hợp tác dùng nước, giám đốc doanh nghiệp, giám đốc trạm trại thí nghiệm, giám đốc nông trường thì phải có bảng danh sách các hộ gia đình, diện tích đất của từng hộ gia đình kèm theo; Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đối tượng được hỗ trợ cư trú chịu trách nhiệm kiểm tra, rà soát và xác nhận diện tích được hỗ trợ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung xác nhận.”</i> Điểm b khoản 2 Điều 9 Nghị định số 96/2018/NĐ-CP quy định: <i>“Điều 9. Lập phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi</i>	lập phương án giá.	theo hướng: Bộ Tài chính ban hành giá tối đa và khung giá cho cả thời kỳ ổn định ngân sách để các địa phương tham mưu trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua để thực hiện, hạn chế việc phải thực hiện hàng năm như hiện nay, trong khi chưa có quyết định ban hành giá tối đa và khung giá của Bộ Tài chính.

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	2. Xây dựng và gửi phương án giá giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi b) Đối với địa phương Trước ngày 31 tháng 3 năm trước năm kế hoạch, trên cơ sở hồ sơ phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi năm kế hoạch do chủ quản lý công trình thủy lợi hoặc tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi ở địa phương xây dựng sau khi có ý kiến của Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) gửi phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi năm kế hoạch của địa phương trong phạm vi công trình thủy lợi do địa phương quản lý theo phân cấp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn....”		
23	Khoản 2 Điều 73 Luật Thủy lợi được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 73 Luật Giá quy định: “Điều 73. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số khoản, điều của các luật có liên quan 5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 35 của Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14, Luật		Đề nghị sớm ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 96/2018/NĐ-CP để xây dựng phương án giá trong đó quy

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	số <u>59/2020/QH14</u> và Luật số <u>72/2020/QH14</u> như sau: <i>“2. Thẩm quyền định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đối với các công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước được quy định như sau:</i> <i>a) Đối với sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thực hiện theo phương thức đặt hàng:</i> ... <i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý.</i> <i>b) Đối với sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác:</i> ... <i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý.”</i> Khoản 3 Điều 20 Nghị định số 96/2018/NĐ-CP quy định: <i>“Điều 20. Trách nhiệm của các bộ, ngành</i> <i>3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i> <i>đ) Quyết định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ thủy lợi</i>		định: Nguyên tắc xác định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi; các khoản mục chi phí hợp lý, hợp lệ trong giá thành và giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi; cách xác định lợi nhuận (nếu có) trong giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi; cách xác định giá tối đa, khung giá, giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ thủy lợi.

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	<i>thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định tại Điều 35 Luật Thủy lợi và quy định của pháp luật khác có liên quan;”</i>		
24	Điều 105 Luật Lâm nghiệp quy định: <i>“Điều 105. Tổ chức Kiểm lâm</i> <i>1. Kiểm lâm được tổ chức ở trung ương, ở cấp tỉnh.</i> <i>2. Kiểm lâm được tổ chức ở cấp huyện trên cơ sở yêu cầu, nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng, bảo đảm chấp hành pháp luật về lâm nghiệp, phòng cháy và chữa cháy rừng, phát triển rừng, sử dụng rừng, chế biến và thương mại lâm sản tại địa phương.</i> <i>3. Kiểm lâm trong vườn quốc gia; khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài - sinh cảnh, rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay, rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển thuộc Kiểm lâm ở trung ương hoặc ở cấp tỉnh được tổ chức trên cơ sở yêu cầu, nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng.</i>	Đơn vị hành chính cấp huyện kết thúc hoạt động kể từ ngày 01/7/2025, vì vậy cần có quy định tương ứng với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.	Đề nghị sửa đổi quy định về tổ chức kiểm lâm tại Luật Lâm nghiệp. Đồng thời, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường tham mưu sửa đổi, bổ sung Nghị định số 01/2019/NĐ-CP; Nghị định số 159/2024/NĐ-CP để tổ chức thực hiện thống nhất.
25	Điều 26 đến Điều 33 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi		Đề nghị Bộ Nông nghiệp và

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số <u>07/2022/NĐ-CP</u>		Môi trường tham mưu sửa đổi, bổ sung thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp từ Điều 26 đến Điều 33 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP đảm bảo phù hợp với Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
			phạm hành chính.
26	Khoản 13 Điều 20 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP quy định: “Điều 20. Phá rừng trái pháp luật <i>Hành vi chặt, đốt, phá cây rừng, đào, bới, san ủi, nổ mìn; đắp đập, ngăn dòng chảy tự nhiên, xả chất độc hoặc các hành vi khác gây thiệt hại đến rừng với bất kỳ mục đích gì (trừ hành vi quy định tại Điều 13 của Nghị định này) mà không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bị xử phạt như sau:</i> 13. Hình thức xử phạt bổ sung: <i>Tịch thu tang vật, công cụ, phương tiện vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9 và khoản 10 Điều này.”</i>	Thực tế có một số trường hợp thực hiện hành vi vi phạm đối với diện tích rất nhỏ nhưng sử dụng phương tiện là máy móc, máy ủi... có giá trị lớn nhưng bị áp dụng biện pháp phạt bổ sung là tịch thu phương tiện hoặc nộp khoản tiền tương đương là quá nặng, khó thực hiện.	Sửa đổi khoản 13 Điều 20 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP theo hướng: “Tịch thu phương tiện vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9 và khoản 10 Điều này.”
27	Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP quy định: “Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân	Hiện nay, đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi khai thác rừng trái pháp luật, phá rừng	Đề nghị bổ sung đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính trong trường

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	<i>trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp trên lãnh thổ Việt Nam; người có thẩm quyền lập biên bản và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này.”</i> Điều 13 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP quy định: “Điều 13. Khai thác rừng trái pháp luật <i>Hành vi khai thác lâm sản trong rừng không được phép của cơ quan có thẩm quyền, bị xử phạt như sau:”.</i> Điều 20 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP quy định: “Điều 20. Phá rừng trái pháp luật <i>Hành vi chặt, đốt, phá cây rừng, đào, bới, san ủi, nổ mìn; đắp đập, ngăn dòng chảy tự nhiên, xả chất độc hoặc các hành vi khác gây thiệt hại đến rừng với bất kỳ mục đích gì (trừ hành vi quy định tại Điều 13 của Nghị định này) mà không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bị xử phạt như sau:”</i>	trái pháp luật chỉ áp dụng đối với cá nhân thực hiện hành vi vi phạm, không quy định hành vi thuê, mướn người khác thực hiện hành vi khai thác rừng trái pháp luật, phá rừng trái pháp luật	hợp thuê, mướn người khác thực hiện hành vi khai thác rừng, phá rừng trái pháp luật.
28	Điều 15 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số <u>07/2022/NĐ-CP</u> quy định: “Điều 15. Vi phạm quy định về trồng rừng thay thế <i>Hành vi chậm trồng rừng thay thế theo phương án</i>	Theo quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục	Đề nghị bổ sung quy định về xử phạt vi phạm hành chính đối

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	<i>trồng rừng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt bị xử phạt như sau:”</i>	đích khác thì chủ dự án tự trồng rừng thay thế hoặc nộp tiền trồng rừng thay thế. Trong khi đó, Điều 15 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số <u>07/2022/NĐ-CP</u> chỉ quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi chậm trồng rừng thay thế. Do vậy, cần bổ sung quy định về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi chậm nộp tiền trồng rừng thay thế.	với hành vi chậm nộp tiền trồng rừng thay thế để đảm bảo thống nhất.
29	Khoản 8 Điều 6 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP quy định: “Điều 6. Áp dụng xử phạt vi phạm hành chính <i>8. Hành vi vi phạm gây thiệt hại đối với lâm sản của chủ rừng do chủ rừng phát hiện thì chủ rừng tiến hành</i>	Nghị định không quy định xử phạt đối với các đơn vị chủ rừng không thực hiện việc báo cáo, không bàn	Đề nghị bổ sung quy định về xử phạt vi phạm hành chính đối với các đơn vị

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	<i>lập biên bản kiểm tra, bảo vệ hiện trường, bảo quản tang vật và báo cáo, bàn giao trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày phát hiện vi phạm cho cơ quan, người có thẩm quyền, đồng thời phối hợp với cơ quan, người có thẩm quyền để xử phạt hành vi vi phạm theo quy định tại Nghị định này. Đối với lâm sản tịch thu là lâm sản do chủ rừng tự bỏ vốn đầu tư để trồng thì trả lại cho chủ rừng.”</i>	giao vụ việc vi phạm gây thiệt hại đối với lâm sản do chủ rừng phát hiện	chủ rừng không thực hiện việc báo cáo, bàn giao vụ việc vi phạm gây thiệt hại đối với lâm sản của chủ rừng do chủ rừng phát hiện.
30	Điểm d khoản 4 Điều 19 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm quy định: “Điều 19. Theo dõi diễn biến rừng 4. Quy trình thực hiện: d) Phê duyệt và công bố kết quả theo dõi diễn biến rừng: ... Hạt Kiểm lâm lập hồ sơ phê duyệt kết quả theo quy định tại điểm này, trình Ủy ban nhân dân cấp xã quyết	Quy định về cơ quan có trách nhiệm lập hồ sơ phê duyệt kết quả theo dõi diễn biến rừng (Hạt Kiểm lâm) không còn phù hợp với cơ cấu tổ chức của các cơ quan sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.	Đề nghị Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, chỉnh sửa nội dung thành: “Điều 19. Theo dõi diễn biến rừng 4. Quy trình thực hiện: d) Phê duyệt và công bố kết quả

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	<i>định công bố hiện trạng rừng, báo cáo Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh trước ngày 31 tháng 01 năm sau...”</i>		<i>theo dõi diễn biến rừng:</i> ... <i>Cơ quan chuyên môn cấp xã được giao nhiệm vụ lập hồ sơ phê duyệt kết quả theo quy định tại điểm này, trình Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công bố hiện trạng rừng, báo cáo Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh trước ngày 31 tháng 01 năm sau.”</i>
31	Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21/11/2024 của Chính phủ quy định về phí bảo vệ môi		Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4 Nghị định số

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	trường đối với khí thải quy định: “Điều 4. Tổ chức thu phí <i>1. Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường thu phí bảo vệ môi trường đối với khí thải của các cơ sở xả khí thải trên địa bàn quản lý.”.</i> Điều 27 Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính quy định: “Điều 27. Thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực phí bảo vệ môi trường <i>Thẩm quyền của Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện trong việc thu phí bảo vệ môi trường đối với khí thải được quy định tại Điều 4 Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2024 và phí bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 do cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp xã giao thực hiện.”.</i>		153/2024/NĐ-CP theo hướng giao Ban Quản lý Khu kinh tế hoặc Ban quản lý Khu công nghiệp tổ chức thu phí đối với các dự án hoặc cơ sở do Ban Quản lý Khu kinh tế hoặc Ban quản lý Khu công nghiệp cấp Giấy phép môi trường.
32	Khoản 2, khoản 4 Điều 92 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết	Quy định Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp, điều chỉnh giấy	Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 92 Nghị định số

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	một số điều của Luật Bảo vệ môi trường quy định: “Điều 92. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường 2. Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp, điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường quy định tại khoản 1 Điều này. 4. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường có thời hạn hiệu lực là 36 tháng kể từ ngày cấp và có thể được cấp lại nhiều lần, mỗi lần cấp lại có hiệu lực không quá 36 tháng.”	chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường; đồng thời, Giấy chứng nhận có thời hạn hiệu lực 36 tháng, mỗi lần cấp lại không quá 36 tháng đã gây khó khăn cho các đơn vị quan trắc quy mô nhỏ, các trung tâm quan trắc môi trường trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.	08/2022/NĐ-CP theo hướng phân cấp cho UBND cấp tỉnh cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường cho các đơn vị quan trắc quy mô nhỏ, các trung tâm quan trắc môi trường trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.
33	Điểm a khoản 1 Điều 26 Nghị định số <u>08/2022/NĐ-CP</u> ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của <u>Luật Bảo vệ môi trường</u> được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 8 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP quy định: “Điều 26. Tham vấn trong đánh giá tác động môi	Trên thực tế, một số dự án có thể có tác động đến nhiều địa bàn thôn/tổ dân phố và mỗi địa bàn thôn/tổ dân phố có số hộ gia đình khá	Sửa đổi đối tượng được tham vấn là cộng đồng dân cư, cá nhân theo hướng tham

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	trường <i>1. Đối tượng được tham vấn:</i> <i>a) Cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp bởi dự án đầu tư, bao gồm: Cộng đồng người gồm các cá nhân thường trú theo quy định của pháp luật về cư trú sinh sống tại địa bàn thôn, ấp, bản, làng, buôn, bon, phum, sóc, tổ dân phố hoặc điểm dân cư tương tự tại nơi triển khai dự án đầu tư; chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chủ hộ gia đình có hoạt động sản xuất, kinh doanh tại khu vực đất, mặt nước, đất có mặt nước, khu vực biển nơi triển khai dự án đầu tư.</i> <i>Việc tham vấn cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp Số lượng người tham dự họp lấy ý kiến và đã được tham vấn thông qua hình thức gửi phiếu lấy ý kiến phải đảm bảo từ hai phần ba trở lên trên tổng số người chịu tác động trực tiếp. Các cá nhân trong cùng một hộ gia đình có thể được lấy ý kiến thông qua người đại diện của hộ gia đình đó; trường hợp cá nhân nhận được phiếu lấy ý kiến nhưng không tham gia cho ý kiến trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được phiếu lấy ý kiến thì được coi là đã được tham vấn;”</i>	lớn (có thể 400-500 hộ) nên sẽ gây khó khăn (về thời gian và chi phí) cho chủ dự án và chính quyền địa phương khi thực hiện tham vấn cộng đồng, gây khó khăn trong việc tổ chức thực hiện.	vấn tối thiểu 2/3 số hộ gia đình thường trú tại địa bàn thôn/tổ dân phố chịu ảnh hưởng trực tiếp từ dự án.

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
34	Khoản 1 Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường quy định: “Điều 75. Phân loại, lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt 1. Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân được phân loại theo nguyên tắc như sau: a) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; b) Chất thải thực phẩm; c) Chất thải rắn sinh hoạt khác” Khoản 7 Điều 79 Luật Bảo vệ môi trường quy định: “Điều 79. Chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt 7. Quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 1 Điều 75 của Luật này phải được thực hiện chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2024.”	Thực tế hiện nay, các địa phương không thể triển khai đồng bộ và đúng quy định do những khó khăn về cơ sở hạ tầng thu gom, vận chuyển và xử lý rác sau phân loại cũng như phải thay đổi tập quán, thói quen.	Gia hạn thời gian áp dụng phân loại rác tại nguồn đến ngày 31/12/2026 và hướng dẫn lộ trình áp dụng mang tính khả thi hơn.
35	Điểm a khoản 1 Điều 111 Luật Bảo vệ môi trường quy định: “Điều 111. Quan trắc nước thải 1. Đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục bao gồm:	Thực tế, các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh khá nhỏ, lượng nước thải phát sinh dưới 100 m³/ngày nên việc đầu tư hệ thống quan trắc	Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 111 theo hướng: “..., các cụm công nghiệp có lưu lượng nước

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	<i>a) Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp xả nước thải ra môi trường;”</i>	tự động sẽ gây tổn kém, lãng phí.	<i>thải từ 500 m³ trở lên”.</i>
36	Khoản 2 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường quy định: “Điều 53. Bảo vệ môi trường đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ 2. Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng thuộc các trường hợp sau đây phải có khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư: a) Có chất dễ cháy, dễ nổ; b) Có chất phóng xạ, chất thải phóng xạ hoặc thiết bị bức xạ; c) Có chất độc hại đối với người và sinh vật; d) Có nguy cơ phát tán bụi, mùi khó chịu, tiếng ồn tác động xấu đến sức khỏe con người; đ) Có nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước.”	Thông tư số 02/2025/TT-BTNMT ngày 12/2/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng có nguy cơ phát tán bụi, mùi khó chịu, tiếng ồn tác động xấu đến sức khỏe con người quy định: QCVN 01:2025/BTNMT - Quy định kỹ thuật quốc gia về khoảng cách an toàn về môi trường đối	Sửa đổi, bổ sung quy định khoảng cách an toàn về môi trường đối với các cơ sở, sản xuất kinh doanh thuộc các loại hình có nguy cơ ô nhiễm phổ biến hiện nay như: chế biến lâm sản, sản xuất viên nén sinh học, chế biến thực phẩm, sản xuất phân hữu cơ, ... để đảm bảo phù hợp tình hình thực tế hiện nay.

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
		với khu dân cư của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng có nguy cơ phát tán bụi, mùi khó chịu, tiếng ồn tác động xấu đến sức khỏe con người, quy chuẩn chỉ tập trung quy định khoảng cách an toàn về môi trường đối với một số đối tượng (bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt; lò đốt chất thải rắn sinh hoạt; hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tại trung). Các đối tượng còn lại tham khảo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng hoặc tham chiếu các giá trị trong Phụ lục 3	

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
		của TCVN 4449:1987 - Tiêu chuẩn Việt Nam về Quy hoạch xây dựng đô thị - Tiêu chuẩn thiết kế để xác định khoảng cách an toàn về môi trường. Tuy nhiên TCVN 4449:1987 đã ban hành từ lâu, đồng thời không yêu cầu bắt buộc áp dụng, dẫn đến tình trạng gây khó khăn cho địa phương trong việc áp dụng quy định khoảng cách an toàn về môi trường đối với các cơ sở thuộc khoản 2 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường.	
37	Khoản 2 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường quy định: “Điều 39. Đối tượng phải có giấy phép môi trường <i>2. Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoạt động trước ngày</i>	Thực tế nhiều cơ sở tái chế nhựa, chế biến phân compost,... có quy mô khá nhỏ (chỉ	Sửa đổi, bổ sung quy định về Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	<i>Luật này có hiệu lực thi hành có tiêu chí về môi trường như đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này.”</i> Điều 25, Phụ lục II kèm theo Nghị định số 08/2025/NĐ-CP quy định: <i>“Điều 25. Tiêu chí về môi trường và phân loại dự án đầu tư</i> <i>3. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ gồm:</i> <i>a) Danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;</i> Phụ lục II Danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định: <i>“Tái chế, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường (có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường Mức II)”</i>; công suất trung bình dưới 500 tấn/ngày”.	vài tấn/ngày), có tác động đến môi trường nhưng không đáng kể. Tuy nhiên, các đối tượng này vẫn bắt buộc phải có giấy phép môi trường làm tăng các chi phí về thời gian, tài chính và không sát thực tế.	định số 08/2025/NĐ-CP theo hướng bổ sung mức tối thiểu tại mục công suất trung bình: <i>Từ ...tấn/ngày đến dưới 500 tấn/ngày</i>, để đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế.
38	Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường quy định: <i>“Điều 20. Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải</i>	Hiện nay chưa có quy định chuyên ngành quy định về quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định	Bổ sung quy định về phương pháp xác định, thang đo, tổ

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	<i>có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường</i> <i>1. Hành vi thải chất gây mùi khó chịu, hôi thối vào môi trường; thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần (tương đương mức vượt quy chuẩn kỹ thuật là 10%) bị xử phạt như sau:</i> <i>a) Phạt cảnh cáo đối với hành vi thải chất gây mùi khó chịu, hôi thối vào môi trường; thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần (tương đương mức vượt quy chuẩn kỹ thuật là 10%);..”</i>	phương pháp xác định, thang đo, chưa có quy định về tổ chức, cá nhân có thẩm quyền đánh giá “Mùi khó chịu, hôi thối”. Do đó, gây khó khăn trong việc áp dụng quy định này.	chức, cá nhân có thẩm quyền đánh giá “Mùi khó chịu, hôi thối”.
39	Điểm d khoản 1 Điều 49 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định: <i>Điều 49. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong bảo vệ môi trường khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp</i> <i>1. Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung có trách nhiệm thực hiện quy định tại khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường; chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp có trách nhiệm thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 52 Luật Bảo vệ môi trường. Một số nội dung được quy định cụ thể như sau:</i>	Hiện nay còn nhiều cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động nhưng vẫn chưa đầu tư hạ tầng bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 48 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.	Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 49 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP theo hướng: Các cụm công nghiệp được phép tiếp nhận các dự án có phát sinh nước thải công nghiệp nhưng không xả

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	<i>d) Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành mà chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung và các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ bên trong đã được miễn trừ đầu nối theo quy định của pháp luật chỉ được phép tiếp nhận dự án đầu tư mới sau khi đáp ứng quy định tại Điều 48 Nghị định này, trừ trường hợp dự án đầu tư mới không phát sinh nước thải công nghiệp xả ra môi trường khi đi vào vận hành chính thức;”</i>		thải ra ngoài môi trường (có giải pháp tuần hoàn nước thải).
40	Điểm đ khoản 3 Điều 163 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định: “Điều 163. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường 3. Thẩm quyền phê duyệt kế hoạch kiểm tra định kỳ được quy định như sau: đ) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt kế hoạch kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của các cơ quan có chức năng kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và của Ủy ban nhân dân cấp xã.”	Hiện nay, nội dung này chưa được phân quyền tại Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Đề nghị phân quyền cho chủ tịch UBND xã, phường phê duyệt kế hoạch kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các đối tượng thuộc thẩm quyền tiếp nhận đăng ký

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
			môi trường trên địa bàn xã, phường.
41	Khoản 6 Điều 3 Luật Đất đai quy định: “Điều 3. Giải thích từ ngữ <i>Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</i> 6. Cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp là cá nhân đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp; nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp mà có thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó theo quy định của Chính phủ.” Khoản 6 Điều 138 Luật Đất đai quy định: “Điều 138. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không có giấy tờ về quyền sử dụng đất mà không vi phạm pháp luật về đất đai, không thuộc trường hợp đất được giao không đúng thẩm quyền ...6. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ổn định vào mục đích thuộc nhóm đất nông nghiệp, nay được	Theo quy định tại khoản 6 Điều 138 Luật Đất đai, không quy định cá nhân phải trực tiếp sản xuất nông nghiệp mới được xem xét, công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp theo hình thức Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất đối với diện tích đất đang sử dụng theo hình thức Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất đối với diện tích đất đang sử dụng trong hạn mức giao đất nông nghiệp cho cá nhân quy định tại Điều 176 của	Để thống nhất quy định tại khoản 6 Điều 138 Luật Đất đai, đề xuất sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 172 Luật Đất đai: “Thời hạn giao đất, công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp đối với cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp sử dụng đất trồng cây hằng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	<i>Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận không có tranh chấp thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo hình thức Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất đối với diện tích đất đang sử dụng nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp cho cá nhân quy định tại Điều 176 của Luật này; thời hạn sử dụng đất tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; diện tích đất nông nghiệp còn lại (nếu có) phải chuyển sang thuê đất của Nhà nước;’</i> Điểm a khoản 1 Điều 172 Luật Đất đai quy định: “Điều 172. Đất sử dụng có thời hạn <i>1. Trừ các trường hợp quy định tại Điều 171 của Luật này, thời hạn sử dụng đất khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất được quy định như sau:</i> <i>a) Thời hạn giao đất, công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp đối với cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp sử dụng đất trồng cây hằng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất là rừng trồng trong hạn mức quy định tại Điều 176 của Luật này là 50 năm. Khi hết thời hạn</i>	Luật Đất đai. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 172 Luật Đất đai chỉ quy định cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp sử dụng đất trồng cây hằng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất là rừng trồng trong hạn mức quy định tại Điều 176 của Luật Đất đai mới được công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp là 50 năm. Như vậy, đối với cá nhân không trực tiếp sản xuất nông nghiệp có được công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp theo hình	<i>làm muối, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất là rừng trồng trong hạn mức quy định tại Điều 176 của Luật này là 50 năm.”</i> thành: <i>“Thời hạn giao đất, công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp đối với Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ổn định vào mục đích đất trồng cây hằng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối, đất trồng cây lâu năm, đất</i>

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	<i>sử dụng đất, thì được tiếp tục sử dụng đất theo thời hạn quy định tại điểm này mà không phải làm thủ tục gia hạn;”</i>	thức Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất đối với diện tích đất đang sử dụng với thời hạn sử dụng đất 50 năm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 172 Luật Đất đai hay không?	<i>rừng sản xuất là rừng trồng trong hạn mức quy định tại Điều 176 của Luật này là 50 năm”.</i>
42	Quy định về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, cụ thể: Điểm a khoản 1 Điều 46 Luật Đất đai quy định: “Điều 46. Điều kiện bán tài sản gắn liền với đất, quyền thuê trong hợp đồng thuê đất được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm <i>1. Tổ chức kinh tế, cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được bán tài sản gắn liền với đất được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm khi có đủ các điều kiện sau đây:</i> <i>a) Tài sản gắn liền với đất thuê được tạo lập hợp pháp và đã được đăng ký theo quy định của pháp luật;”</i>	Hiện nay, chưa quy định cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với tài sản là trữ lượng khoáng sản còn lại (chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản), cây lâu năm và rừng trồng nên không thể bán tài sản gắn liền với đất được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê	Để đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế, đề nghị sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 46 như sau: “a) Tài sản gắn liền với đất thuê được tạo lập hợp pháp theo quy định của pháp luật;” Đồng thời, ban

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	<i>Điều 148. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với tài sản là nhà ở</i> <i>Điều 149. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với tài sản là công trình xây dựng không phải là nhà ở</i>	đất hằng năm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 46 Luật Đất đai.	hành văn bản quy định, hướng dẫn đối với trường hợp bán tài sản là trữ lượng khoáng sản còn lại (chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản), cây lâu năm và rừng trồng gắn liền với đất được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm.
43	Khoản 8 Điều 81 Luật Đất đai quy định: <i>“Điều 81. Các trường hợp thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai</i> ... <i>8. Đất được Nhà nước giao, cho thuê, cho phép chuyển mục đích sử dụng, công nhận quyền sử dụng đất, nhận</i>	Việc quy định thời gian gia hạn không quá 24 tháng, thời điểm tính gia hạn được tính từ tháng 25 nêu trên và căn cứ xác định không	Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 81 Luật Đất đai: <i>“...trường hợp không đưa đất vào sử dụng</i>

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	<i>chuyển nhượng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư mà không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa hoặc tiến độ sử dụng đất chậm 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư; trường hợp không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm tiến độ sử dụng đất so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư thì chủ đầu tư được gia hạn sử dụng không quá 24 tháng .. mà không bồi thường về đất, tài sản gắn liền với đất và chi phí đầu tư vào đất còn lại.”</i> Điểm b, điểm c khoản 2 Điều 31 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị định số 226/225/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành <u>Luật Đất đai</u> quy định: <i>“b) Trường hợp dự án đầu tư chậm tiến độ sử dụng đất 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa thì việc gia hạn sử dụng đất không quá 24 tháng được áp dụng cho toàn bộ diện tích đất thực hiện dự án; thời điểm để tính gia hạn sử dụng đất không quá 24 tháng được tính từ ngày</i>	đưa đất vào sử dụng hoặc chậm tiến độ sử dụng đất theo điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ thì thời gian gia hạn không đảm bảo với thời gian được điều chỉnh tiến độ đầu tư theo khoản 4 Điều 41 Luật Đầu tư và trường hợp dự án không được điều chỉnh tiến độ mà gia hạn thời gian sử dụng thì việc triển khai căn cứ vào cơ sở nào?	<i>hoặc chậm tiến độ sử dụng đất so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư thì chủ đầu tư được gia hạn thời gian sử dụng theo tiến độ thực hiện dự án đầu tư được điều chỉnh theo quy định của pháp luật về đầu tư ...”</i> và các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện theo hướng xác định thời điểm để tính gia hạn sử dụng đất được tính từ ngày của dự án đầu tư được cơ quan có

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	<i>bắt đầu của tháng thứ 25 kể từ thời điểm phải kết thúc việc đầu tư xây dựng...</i> <i>Trường hợp dự án được giao đất, cho thuê đất theo tiến độ thì việc gia hạn sử dụng đất không quá 24 tháng được áp dụng đối với từng phần diện tích đất theo quyết định giao đất, cho thuê đất; thời điểm để tính gia hạn sử dụng đất không quá 24 tháng được tính từ ngày bắt đầu của tháng thứ 25 kể từ thời điểm phải kết thúc việc đầu tư xây dựng trên phần diện tích đất đó;</i> <i>c) Trường hợp đến thời điểm kiểm tra, thanh tra mới xác định hành vi không sử dụng đất đã quá 12 tháng liên tục hoặc đã chậm tiến độ sử dụng đất quá 24 tháng thì thời điểm để tính gia hạn sử dụng đất không quá 24 tháng được tính từ ngày cơ quan có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất quyết định gia hạn. Quyết định gia hạn tiến độ sử dụng đất của cơ quan có thẩm quyền được ban hành trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả kiểm tra hoặc kết luận thanh tra nếu người sử dụng đất có văn bản đề nghị...;”.</i>		thẩm quyền điều chỉnh chủ trương đầu tư.
44	Điểm a khoản 1 Điều 82 Luật Đất đai quy định: “Điều 82. Thu hồi đất do chậm dứt việc sử dụng đất	Các trường hợp thu hồi đất quy định tại điểm a khoản 1 Điều 82 Luật	Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 82 Luật

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	<i>theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất, có nguy cơ đe dọa tính mạng con người, không còn khả năng tiếp tục sử dụng</i> <i>1. Các trường hợp thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật bao gồm:</i> <i>a) Tổ chức được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất bị giải thể, phá sản hoặc bị chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật;”</i>	Đất đai không quy định các trường hợp giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất nên không áp dụng thu hồi đất đối với các trường hợp nêu trên.	Đất đai theo hướng: “a) Tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất bị giải thể, phá sản hoặc bị chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật.”
45	Điều 82 Luật Đất đai quy định về thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất, có nguy cơ đe dọa tính mạng con người, không còn khả năng tiếp tục sử dụng	Các trường hợp thu hồi đất quy định tại Điều 82 Luật Đất đai không có quy định trường hợp thu hồi đất đối với trường hợp tổ chức được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm nhưng không bảo đảm các điều kiện quy định tại	Bổ sung điểm e khoản 1 Điều 82 Luật Đất đai theo hướng “e) Thu hồi đất trong trường hợp tổ chức được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
		khoản 1 Điều 46 của Luật Đất đai.	<i>nhưng không bảo đảm các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 46 của Luật này.”</i>
46	Khoản 3 Điều 116 Luật Đất đai quy định: “Điều 116. Căn cứ để giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất 3. Căn cứ giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này, như sau: a) Đối với dự án thuộc danh mục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 67 của Luật này thì căn cứ vào kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công hoặc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư hoặc quyết định chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về nhà ở		Để đảm bảo phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 116 Luật Đất đai theo hướng “3. Căn cứ giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	<i>hoặc văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.</i> <i>b) Đối với dự án quy định tại khoản 4 Điều 67 của Luật này thì căn cứ vào quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công hoặc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư hoặc quyết định chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về nhà ở hoặc văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.”</i>		<i>dụng đất; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này bảo đảm các điều kiện sau: a) Kế hoạch sử dụng đất cấp xã đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; b) Quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công hoặc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư hoặc</i>

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
			<i>quyết định chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về nhà ở hoặc văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.”</i>
47	Khoản 7 Điều 111 Luật Đất đai quy định: “Điều 111. Bố trí tái định cư <i>7. Người có đất ở bị thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu đô thị thì được bồi thường bằng đất ở, nhà ở tại chỗ; trong thời gian chờ bố trí tái định cư được bố trí vào nhà ở tạm hoặc hỗ trợ tiền thuê nhà ở; thời gian và mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định phù hợp với thực tế tại địa phương. Trường hợp thu hồi đất ở để thực hiện các mục đích</i>	Thực tế tại địa phương, người có đất ở thu hồi tại các dự án khác không thuộc trường hợp dự án nêu trên đều có nhu cầu được hỗ trợ tạm cư, vì sau khi nhận đất tái định cư tại Khu tái định cư và bàn giao	Đề đồng bộ trong quá trình thực hiện, đề nghị sửa đổi Luật Đất đai theo hướng giao UBND tỉnh quy định về thời gian và kinh phí

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	<i>khác thì được bồi thường bằng đất ở, nhà ở tại chỗ nếu tại khu vực thu hồi đất có quỹ đất, quỹ nhà tái định cư. Ưu tiên vị trí thuận lợi cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất ở kết hợp với kinh doanh dịch vụ, người có đất thu hồi là người có công với cách mạng. Có cơ chế thưởng đối với người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời hạn theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.”</i>	mặt bằng cho Nhà nước theo đúng thời hạn, hộ dân phải có chỗ ở tạm cư trong thời gian xây dựng nhà ở mới tại nơi tái định cư.	tạm cư cho người có đất ở thu hồi để thực hiện các dự án vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng mà được bố trí tái định cư.
48	Điểm i khoản 1 Điều 159 Luật Đất đai quy định: “Điều 159. Bảng giá đất 1. Bảng giá đất được áp dụng cho các trường hợp sau đây: i) Tính giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất đối với trường hợp thửa đất, khu đất đã được đầu tư hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch chi tiết xây dựng;” Khoản 1 Điều 160 Luật Đất đai quy định:	Trong quá trình tổ chức thực hiện, nhiều trường hợp thửa đất, khu đất đã được đầu tư hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch chi tiết xây dựng có giá đất trong bảng giá đất nhưng tại thời điểm tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất không còn phù hợp với	Để thuận lợi cho địa phương thực hiện, đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 160 Luật Đất đai theo hướng áp dụng giá đất cụ thể trong trường hợp “ <i>Tính giá khởi</i>

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	“Điều 160. Giá đất cụ thể 1. Giá đất cụ thể được áp dụng cho các trường hợp sau đây: a) Tính tiền sử dụng đất đối với tổ chức khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất cho nhà đầu tư trúng thầu hoặc tổ chức kinh tế do nhà đầu tư trúng thầu thành lập thực hiện dự án có sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất mà phải nộp tiền sử dụng đất; ... e) Tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.”	mặt bằng giá trong khu vực.	điểm để đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất đối với trường hợp thửa đất, khu đất đã được đầu tư hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch chi tiết xây dựng”.
49	Tại điểm b khoản 1 Điều 14 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP quy định về thời gian khấu hao áp dụng đối với nhà, công trình xây dựng bị thiệt hại để xác định giá trị hiện có của nhà, công trình xây dựng bị thiệt hại.	Tuy nhiên quy định của Chính phủ không nêu rõ căn cứ để xác định thời gian khấu hao của nhà, công trình xây dựng.	Đề nghị quy định về phương pháp xác định thời gian khấu hao của nhà, công trình xây dựng.
50	Khoản 1 Điều 22 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày	Qua rà soát quy định	Đề nghị Chính

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất quy định: “Điều 22. Ghi nợ tiền sử dụng đất <i>1. Đối tượng được ghi nợ tiền sử dụng đất, mức tiền sử dụng đất được ghi nợ, thời hạn ghi nợ tiền sử dụng đất thực hiện theo quy định tại Nghị định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, Nghị định về cấp giấy chứng nhận.”</i>	bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất tại Nghị định số 88/2024/NĐ-CP chưa quy định thời hạn ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư.	phủ quy định thời hạn ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư.
51	Điểm a khoản 1 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP quy định: “Điều 20. Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất <i>Việc hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại điểm b khoản 1 Điều 108 của Luật Đất đai được thực hiện theo quy định sau đây:</i> <i>1. Đối tượng được hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh</i> <i>a) Tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài bị ngừng sản xuất, kinh doanh mà có đủ điều kiện được bồi thường về đất thì được hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh;”</i>	Pháp luật hiện hành quy định việc bồi thường về đất đối với tổ chức được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê. Tuy nhiên, thực tế tại địa phương, có nhiều tổ chức kinh tế đang sử dụng đất phi nông nghiệp không phải là đất ở được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm bị	Đề nghị sửa đổi, bổ sung đối tượng và điều kiện để được hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh tại Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP theo hướng bổ sung đối tượng được hỗ trợ là tổ chức kinh tế được Nhà nước cho thuê đất

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
		ảnh hưởng các dự án trên địa bàn tỉnh không được bồi thường về đất nên không được hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh theo quy định. Qua so sánh, đối chiếu giữa tổ chức kinh tế được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm và tổ chức kinh tế được Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê đều thuộc trường hợp Nhà nước cho thuê đất có thời hạn chỉ khác về hình thức nộp tiền thuê đất. Khi Nhà nước thu hồi đất đều chịu tác động như nhau như: phải di dời đến cơ sở mới, tái sản xuất kinh doanh,	trả tiền thuê đất hằng năm hoặc quy định tương tự như Luật Đất đai để địa phương thuận lợi trong quá trình thực hiện.

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
		người lao động phải ngừng việc.	
52	Khoản 2 Điều 56 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định: “ <i>Việc lập, thẩm định, phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện theo quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 55 Nghị định này. Trong đó hình thức cho thuê đất là Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm và giá khởi điểm được xác định theo bảng giá đất hằng năm.</i> ”	Theo quy định tại khoản 3 Điều 179 Luật Đất đai năm 2024, thời hạn sử dụng đất mỗi lần thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích là 10 năm, trong khi đó giá đất nông nghiệp theo bảng giá đất là 70 năm. Vì vậy việc áp dụng giá đất trong bảng giá đất để làm giá khởi điểm khi đấu giá đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục ích công ích là không phù hợp. Bên cạnh đó, quy định của pháp luật về thu tiền thuê đất (Điều 26	Đề nghị Chính phủ có hướng dẫn cách xác định đơn giá thuê đất trong trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất nông nghiệp.

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
		Nghị định số 103/2024/NĐ-CP) chưa hướng dẫn cụ thể cách xác định đơn giá thuê đất trong trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất nông nghiệp.	
52	Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP quy định: <i>“1. Thẩm quyền Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định biện pháp, mức hỗ trợ khác đối với từng dự án cụ thể quy định tại khoản 2 Điều 108 Luật Đất đai, khoản 7 Điều 12 và khoản 9 Điều 13 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.”</i> Khoản 2 Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP quy định: <i>“2. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều này bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng; hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đủ điều kiện bồi thường về đất hoặc do nhận giao khoán đất để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy</i>	Theo quy định của pháp luật hiện hành thì việc quyết định mức hỗ trợ cho từng trường hợp cụ thể vừa giao UBND cấp xã thực hiện đối với khoản hỗ trợ tại khoản 2 Điều 108 Luật Đất đai, khoản 7 Điều 12 và khoản 9 Điều 13 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP, vừa giao UBND tỉnh thực hiện đối với khoản hỗ trợ tại khoản 2 Điều 19 và khoản 5	Để đồng bộ, thống nhất trong quá trình thực hiện, đề nghị Chính phủ xem xét tiếp tục phân quyền cho UBND cấp xã thực hiện nội dung quy định tại khoản 2 Điều 19 và khoản 5 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP.

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	<i>sản, làm muối từ các nông, lâm trường quốc doanh hoặc công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh, tập đoàn sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp và có hợp đồng giao khoán sử dụng đất thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ, định kỳ chi trả tiền hỗ trợ cho phù hợp với từng trường hợp cụ thể nhưng không vượt quá mức hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này.”</i> Khoản 5 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP quy định: <i>“5. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối từ các nông, lâm trường quốc doanh hoặc công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh, tập đoàn sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp và có hợp đồng giao khoán sử dụng đất thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ ổn định sản xuất cho phù hợp với từng dự án.”</i>	Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP. Điều này dễ nhầm lẫn trong quá trình phân định mức hỗ trợ thuộc cấp thẩm quyền nào quyết định theo quy định.	
54	Điều 19, Điều Nghị định số 151/2025/NĐ-CP quy định:	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp xã (khoản 8 Điều 19) và	Việc điều chỉnh quy hoạch và kế hoạch sử dụng

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	“Điều 19. Quy hoạch sử dụng đất cấp xã 8. Trường hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp xã được thực hiện như đối với nội dung lập quy hoạch sử dụng đất cấp xã quy định tại Điều này.” “Điều 20. Kế hoạch sử dụng đất cấp xã 8. Trong quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất cấp xã, căn cứ tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã lập, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp xã. Việc điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp xã được thực hiện như việc lập kế hoạch sử dụng đất cấp xã quy định tại Điều này.”	kế hoạch sử dụng đất cấp xã (khoản 8 Điều 20) thực hiện như việc lập quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất sẽ tốn kém về kinh phí và thời gian kéo dài.	đất cấp xã thực hiện theo hình thức điều chỉnh cục bộ.
55	Điểm b khoản 5 Điều 4 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP quy định: b) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 như sau: “d) Trường hợp khi hết thời hạn quy định tại điểm a khoản này mà chủ đầu tư không thực hiện chuyển quyền sử dụng đất, bán tài sản của mình gắn liền với đất cho nhà đầu tư khác hoặc không đủ điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định thì Nhà nước thu hồi đất, không bồi thường về đất, tài sản gắn liền với đất. Trong trường hợp bất khả kháng quy định	Trên thực tế một số công trình, dự án chưa thực hiện thủ tục đăng ký sở hữu công trình trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì việc bán tài sản gắn liền với đất thuê trả tiền thuê đất hằng năm sẽ không thực hiện	Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 5 Điều 4 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP theo hướng “Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau: b) Trong

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	<i>tại Điều 31 Nghị định này thì được xem xét gia hạn thời hạn quy định tại điểm a khoản này bằng thời gian xảy ra tình trạng bất khả kháng. Chi phí thu hồi đất, xử lý tài sản gắn liền với đất do ngân sách nhà nước bảo đảm; nhà đầu tư được lựa chọn để tiếp tục sử dụng đất có trách nhiệm nộp ngân sách nhà nước khoản chi phí này trước khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất.”.</i>	được nên bổ sung quy định này nhằm tăng cường biện pháp yêu cầu các chủ đầu tư phải có trách nhiệm đầu tư theo đúng dự án đầu tư được duyệt và đăng ký sở hữu công trình theo quy định	<i>thời hạn 24 tháng kể từ ngày dự án đầu tư bị chấm dứt hoạt động theo quy định, chủ đầu tư được thực hiện chuyển quyền sử dụng đất, bán tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật”.</i>
56	Chưa có quy định	Theo Nghị quyết số 1664/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Gia Lai năm 2025 thì một số thị trấn sáp nhập với xã thành xã	Đề nghị bổ sung quy định để làm rõ nội dung chuyển tiếp đối với việc xác định loại đất ở, cụ thể như sau: đối với các

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
		mới. Vậy đối với diện tích đất ở thuộc các thị trấn xác định là đất ở đô thị hay đất ở nông thôn hiện nay chưa có hướng dẫn	đơn vị hành chính là thị trấn của cấp huyện trước đây, sau khi sắp xếp đơn vị hành chính thành xã <i>thì loại đất ở được xác định là đất ở nông thôn hay vẫn được xác định là đất ở đô thị?</i>
57	Khoản 1 Điều 50 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước quy định: <i>“Điều 50. Thẩm quyền phê duyệt và cơ quan tiếp nhận, thẩm định tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước</i> <i>1. Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác</i>	1. Chưa quy định về đơn vị tiếp nhận, thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trong trường hợp công trình khai thác nước nằm trên địa bàn của 02 tỉnh trở lên. 2. Chưa quy định về tỷ	1. Hướng dẫn về việc tiếp nhận, thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trong trường hợp công trình khai thác nước nằm trên địa bàn

STT	Quy định pháp luật hiện hành	Vướng mắc, bất cập	Đề xuất hướng xử lý
	<i>tài nguyên nước đối với trường hợp thuộc thẩm quyền cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước.”</i> Khoản 3 Điều 31 Nghị định 136/2025/NĐ-CP quy định: “Điều 31. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong lĩnh vực tài nguyên nước phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện <i>3. Phê duyệt, điều chỉnh, truy thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định tại khoản 1 Điều 50 ... Nghị định số 54/2024/NĐ-CP.”</i> Khoản 3 Điều 50 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP quy định: <i>“3. Cơ quan thẩm định, quản lý hồ sơ, quyết định phê duyệt (sau đây gọi chung là cơ quan thẩm định hồ sơ), bao gồm:</i> <i>a) Cơ quan chuyên môn về tài nguyên nước thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thẩm định và quản lý hồ sơ, quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường;”</i>	lệ phân bổ ngân sách từ nguồn thu tiền cấp quyền đối với trường hợp công trình khai thác nước nằm trên địa bàn 02 tỉnh trở lên.	của 02 tỉnh trở lên. 2. Đề nghị quy định cách tính tỷ lệ phân bổ kinh phí (tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước) với công trình khai thác nước nằm trên địa bàn 02 tỉnh trở lên.

